

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 09 - 2019
(Về việc xin ly hôn)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyễn
Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Khởi
Ông Nguyễn Hoàng Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Hàng Bích Trâm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông Dương Phi Cát – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 462/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 về việc xin ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 704/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Kim C, sinh năm 1987

Địa chỉ nơi cư trú: Tổ 2, khu phố T, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.
(có mặt)

- Bị đơn: Anh Trần Thanh N, sinh năm 1981

Địa chỉ nơi cư trú: Ấp T, xã H, TpC, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Chị Trương Kim C trình bày, chị và anh N tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, TpC. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã dẫn đến xô xát nhau, không thể hàn gắn được nhiều lần gia đình khuyên can nhưng không có kết quả, hiện cả hai đã ly thân nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng hiện không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị C xác định có 02 con chung tên Trần Thái B, sinh ngày 23/7/2010 và Trần Bảo Y, sinh ngày 24/10/2012, hiện các con đang sinh sống chung với anh N tại ấp T, xã H, Tp C có cuộc sống ổn định, được đi học ở trường Tiểu Học Hòa Thành gần nhà, có cuộc sống sinh hoạt bình thường. Nên khi ly hôn chị đồng ý giao các con cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng chị tự nguyện cấp dưỡng mỗi đứa 1.500.000đ/tháng/đứa cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị C xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị C xác định không có.

Đối với anh Trần Thanh N, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, anh N đã vắng mặt không rõ lý do đến lần thứ 2 và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của chị C.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Kim C về việc xin ly hôn với anh Trần Thanh N. Về con chung: Giao con chung tên Trần Thái B, sinh ngày 23/7/2010 và Trần Bảo Y, sinh ngày 24/10/2012, cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng chị C tự nguyện cấp dưỡng mỗi đứa 1.500.000đ/tháng/đứa cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Về tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết; nợ chung chị C xác định không có.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của chị Trương Kim C về việc xin ly hôn với anh Trần Thanh N thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; anh N là bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại ấp T, xã H, TpC, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập hợp lệ cho các đương sự, nhưng anh N vắng mặt không rõ lý do đến lần thứ 2 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị Trương Kim C trình bày, chị và anh N tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, TpCà Mau cấp giấy chứng nhận. Do anh N không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án mặc dù đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, xem như anh N từ bỏ quyền trình bày của mình. Xem xét đơn yêu cầu của chị C: Về mâu thuẫn chị C xác định vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã dẫn đến xô xát nhau, không thể hàn gắn được nhiều lần gia đình khuyên can nhưng không có kết quả, hiện cả hai đã ly thân nhau. Chị C xác định tình cảm vợ chồng hiện không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn.

Do anh N không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, xem như anh N từ bỏ quyền trình bày của mình. Xem xét đơn yêu cầu của chị C: Về mâu thuẫn chị C xác định hiện cả hai đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh N. Xét thấy, yêu cầu của chị C phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn theo yêu cầu của một bên. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C về việc xin ly hôn đối với anh N.

[4] Về con chung: Chị C xác định có 02 con chung tên Trần Thái B, sinh ngày 23/7/2010 và Trần Bảo Y, sinh ngày 24/10/2012, hiện các con đang sinh sống chung với anh N tại ấp T, xã H, Tp C được đi học ở trường gần nhà, sinh hoạt bình thường, có cuộc sống ổn định. Nên khi ly hôn chị đồng ý giao các con cho anh N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng chị C tự nguyện cấp dưỡng mỗi đứa 1.500.000đ/tháng/đứa cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Xét thấy yêu cầu của chị C phù hợp với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị C xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị C xác định không có.

[7] Về án phí sơ thẩm chị C nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 1 điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Kim C về việc xin ly hôn với anh Trần Thanh N.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Thái B, sinh ngày 23/7/2010 và Trần Bảo Y, sinh ngày 24/10/2012 (hiện các con đang sinh sống chung với anh N) cho anh N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng chị C tự nguyện cấp dưỡng mỗi đứa 1.500.000đ/tháng/đứa cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh N có đơn yêu cầu thi hành án, chị C có nghĩa vụ tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên, trường hợp không thi hành hoặc chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm thi hành theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự và Luật thi hành án.

Chị C không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị C xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị C xác định không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm Hôn nhân và gia đình chị Trương Kim C nộp 300.000đ. Vào ngày 28 tháng 5 năm 2019, chị C đã dự nộp 300.000đ theo biên lai số 0000173 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chị C nộp 300.000đ. (chưa nộp)

Chị C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Tân, TPCM
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Diệp Chí Nguyễn